

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày 19-11-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 111/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/. **Thạch Quốc C;** Sinh năm 1987; Nơi sinh: Sóc Trăng; Đăng ký thường trú: số 20/12, đường Trần Văn Bảy, khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: không. Con ông: Thạch P (chết) và bà: Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1961. Có vợ đã ly hôn và 01 người con; Tiền án: 02 lần: Lần thứ nhất vào ngày 06/01/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 08 năm tù, về Tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/01/2016. Lần thứ hai vào ngày 27/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp Tài sản, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/11/2018. Tiền

sự: không. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2020 cho đến nay. (có mặt).

2/. **Nguyễn Thành T**; Tên gọi khác: Bấu. Sinh ngày 19 tháng 12 năm 1994; Nơi sinh: Sóc Trăng; Đăng ký thường trú: số 20/18, đường Trần Văn Bảy, khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: không. Con ông: Nguyễn Văn N (chết) và bà: Bùi Thị P1, sinh năm: 1959. Chưa có vợ, con. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2020 cho đến nay. (có mặt).

- *Người bào chữa của bị cáo T*: Bà Lương Thị Ngọc H, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị hại*:

1. **Đào Thị Ngọc G**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 252, đường Mạc Đĩnh C, khóm 4, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 204, đường L, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

3. **Trần Văn T**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 144, đường B, khóm 1, phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Quốc C, Nguyễn Thành T là những người không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy, nhiều lần thực hiện chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 11 tháng 4 năm 2020 Thạch Quốc C đi bộ từ nhà qua khu vực khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để câu cá. Khi đó C phát hiện trong nhà kho của bà Đào Thị Ngọc G tại số 252, đường Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, có để nhiều sắt và gỗ nhưng không có người trông coi nên C đi về nhà lấy một cây vít để cạy vách tôn và rủ thêm Nguyễn Thành T để lấy tài sản thì T đồng ý. C và T đi đến nhà kho C dùng cây vít cạy vách tôn nhà kho còn T dùng tay nắm vách tôn kéo hở ra cho C chui vào trong nhà kho lấy sắt và gỗ chuyển ra ngoài cho T. Khi lấy được sắt và gỗ thì C và T mang sắt về nhà ở đường Trần Văn Bảy, khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, còn gỗ thì cất giấu phía ngoài kho. Khi lấy được

tài sản thì C và T bán cho ông Ngô T1 tổng số sắt khoảng 20 cây, với giá mỗi cây sắt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, được tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Đến ngày 15/4/2020 thì C và T mượn xe đẩy của ông Tô Huệ T2 đi chở số sắt và gỗ còn lại cất giấu dưới nương, C và T đang vác sắt và gỗ để lên xe đẩy thì bị lực lượng Công an phường 9 thành phố Sóc Trăng tuần tra phát hiện nên C bỏ chạy về nhà, còn T thì bị lực lượng Công an phường 9 bắt giữ cùng vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53 ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sóc Trăng kết luận, số tài sản mà các bị can chiếm đoạt gồm: 13 (mười ba) thanh sắt hình tròn đường kính 06cm (sáu centimet), dài 2,3m (hai phẩy ba mét), đã qua sử dụng, có tổng trọng lượng là 78kg (bảy mươi tám ký lô gam), giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $78\text{kg} \times 12.000 \text{ đ/kg} \times 50\% = 468.000$ đồng (bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng); 07 (bảy) thanh sắt hình tròn đường kính 04cm (bốn centimet), dài 2,7m (hai phẩy bảy mét), đã qua sử dụng, có tổng trọng lượng là 25,8kg (hai mươi lăm phẩy bảy ký lô gam), giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $25,8\text{kg} \times 12.000 \text{ đ/kg} \times 50\% = 154.800$ đồng (một trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng); 02 (hai) thanh sắt hình tròn đường kính 04cm (bốn centimet), dài 2,82m (hai phẩy tám mươi hai mét), đã qua sử dụng, có tổng trọng lượng là 18,2kg (mười tám phẩy hai ký lô gam), giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $18,2\text{kg} \times 12.000 \text{ đ/kg} \times 50\% = 109.200$ đồng (một trăm lẻ chín nghìn hai trăm đồng); 01 (một) thanh sắt hình tròn đường kính 04cm (bốn centimet), dài 3,98m (ba phẩy chín mươi tám mét), đã qua sử dụng, có tổng trọng lượng là 10,9kg (mười phẩy chín ký lô gam), giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $10,9\text{kg} \times 12.000 \text{ đ/kg} \times 50\% = 65.400$ đồng (sáu mươi lăm nghìn bốn trăm đồng); 07 (bảy) cây sắt hình chữ U, kích thước 170cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 230cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 210cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 115cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 150cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 180cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 05 (năm) cây sắt hình chữ U, kích thước 750cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 05 (năm) cây sắt hình chữ U, kích thước 540cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 02 (hai) cây

sắt hình chữ U, kích thước 700cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 660cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. 01 (một) cây sắt hình chữ U, kích thước 600cm x 08cm x 04cm; đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%. (Tổng trọng lượng của 26 cây sắt hình chữ U là 315kg (ba trăm mười lăm ký lô gam), đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $315\text{kg} \times 12.000 \text{ đ/kg} \times 50\% = 1.890.000$ đồng (một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng). 04 (bốn) cây gỗ vuông, kích thước 370cm x 07cm x 03cm, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $04 \text{ cây} \times (370\text{cm} \times 07\text{cm} \times 03\text{cm}) \times 10.000\text{đ} \times 50\% = 740.000$ đồng (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 (một) cây gỗ vuông, kích thước 260cm x 08cm x 04cm, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $01 \text{ cây} \times (260\text{cm} \times 08\text{cm} \times 04\text{cm}) \times 10.000\text{đ} \times 50\% = 130.000$ đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng); 01 (một) cây gỗ vuông, kích thước 217cm x 06cm x 04cm, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $01 \text{ cây} \times (217\text{cm} \times 06\text{cm} \times 04\text{cm}) \times 6.000\text{đ} \times 50\% = 65.100$ đồng (sáu mươi lăm nghìn một trăm đồng); 01 (một) cây gỗ vuông, kích thước 236cm x 06cm x 04cm, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền: $01 \text{ cây} \times (236\text{cm} \times 06\text{cm} \times 04\text{cm}) \times 6.000\text{đ} \times 50\% = 70.800\text{đ}$ (bảy mươi nghìn tám trăm đồng). Tổng tài sản có giá là: 3.693.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trong một ngày tháng 5 năm 2020, Thạch Quốc C đi đến quán ẩm thực Thanh Thảo của ông Nguyễn Văn B, tại số 191, đường Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và trèo vào trong quán, C quan sát trong quán không có người trông coi nên C lén lút vào lấy bia và nước ngọt, ra khỏi nhà ông Bình, cất giấu, bị cáo vận chuyển lần lượt được tổng cộng là 49 thùng bia, nước ngọt các loại đem đi bán cho bà Hồ Ngọc H1 với giá mỗi thùng 100.000 đồng; bị cáo C lấy ba tượng phật Phước - Lộc - Thọ bằng gỗ của ông Bình đem về nhà cất giấu tại số 20/12, đường Trần Văn Bảy, khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 87/KL.ĐGTS, ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sóc Trăng kết luận, số Tài sản mà bị can chiếm đoạt gồm: 04 (bốn) thùng bia có nhãn hiệu Sài Gòn Lager loại bia lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $04 \times 270.000 \text{ đ} \times 100\% = 1.080.000$ đồng. 05 (năm) thùng bia có nhãn hiệu Sài Gòn xanh loại bia lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $05 \times 330.000 \text{ đ} \times$

100% = 1.650.000 đồng. 04 (bốn) thùng bia có nhãn hiệu Tiger bạc loại bia lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $04 \times 375.000 \text{ đ} \times 100\% = 1.500.000 \text{ đồng}$. 04 (bốn) thùng bia có nhãn hiệu Tiger nâu loại bia lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $04 \times 344.000 \text{ đ} \times 100\% = 1.376.000 \text{ đồng}$. 07 (bảy) thùng bia có nhãn hiệu Heniken loại bia lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $07 \times 430.000 \text{ đ} \times 100\% = 3.010.000 \text{ đồng}$. 05 (năm) thùng bia có nhãn hiệu Sagota loại bia lon không cồn, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $05 \times 370.000 \text{ đ} \times 100\% = 1.850.000 \text{ đồng}$. 10 (mười) thùng bia có nhãn hiệu Sagota vàng loại bia lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $10 \times 228.000 \text{ đ} \times 100\% = 2.280.000 \text{ đồng}$. 05 (năm) thùng bia có nhãn hiệu Sài Gòn Lager loại bia chai, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $05 \times 140.000 \text{ đ} \times 100\% = 700.000 \text{ đồng}$. 05 (năm) thùng nước ngọt có nhãn hiệu Coca-Cola loại lon, chưa sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 100%, với số tiền: $05 \times 145.000 \text{ đ} \times 100\% = 725.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 14.171.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 3771/KL.ĐGTS, ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Sóc Trăng kết luận: Bốn tượng hình Phước, Lộc, Thọ (Gỗ hương) có giá là 4.000.000 đồng. Tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá là: 18.171.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020, Thạch Quốc C đi đến quán Cánh Buồm của ông Trần Văn T, tại số 74, đường Lê Duẩn, khóm 4, phường 3, thành phố Sóc Trăng, C treo tường rào vào trong quán lén lút lấy Tài sản gồm: 06 cái ghế tựa lưng bằng gỗ; 02 cái ghế tựa lưng bằng gỗ được sơn màu trắng; 02 cái ghế tựa lưng có khung bằng sắt; 01 chiếc xe xích lô bằng kim loại màu trắng; 01 cái ghế bọc da màu cam, không có tựa lưng. Sau khi lấy được tài sản C bán cho bà Mai Thị L 03 cái ghế tựa lưng bằng gỗ mỗi cái giá 100.000 đồng; Bán cho bà Nguyễn Thị H3 mua ve trai 02 cái ghế tựa lưng bằng gỗ mỗi cái giá 100.000 đồng; Bán cho ông Huỳnh Văn T3 01 cái ghế tựa lưng có khung bằng sắt với giá 80.000 đồng. Còn các tài sản chưa bán được thì C mang về nhà cất giấu tại nhà của C số 20/12, đường Trần Văn Bảy, khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Đến ngày 25 tháng 6 năm 2020, C chỉ cho Nguyễn Thành T đến quán Cánh Buồm của ông Trần Văn T, tại số 74, đường Lê Duẩn, khóm 4, phường 3, thành phố Sóc Trăng để chiếm đoạt Tài sản. T đồng ý và đã lén lút treo tường

rào vào trong quán lấy tại quán Cánh Buồm gồm: 02 cái ghế tựa lưng có khung bằng sắt; 01 cái ghế bọc da màu cam không có tựa lưng; 01 cái ghế ngồi tựa lưng được bọc da màu nâu đen; 01 chân bàn bằng kim loại, màu trắng; 01 mặt bàn bằng kính; 01 bóng đèn Led hình tròn hiệu Rạng Đông; 01 đoạn giấy điện có chiều dài 30m; 12 chân bàn bằng kim loại. Sau khi lấy được tài sản T bán cho ông Huỳnh Văn T3 02 ghế tựa lưng có khung bằng sắt với giá 150.000 đồng; Bán cho ông Trần Thanh Đ 12 chân bàn bằng kim loại với giá 200.000 đồng; Bán cho người phụ nữ mua ve chai không biết tên địa chỉ cụ thể 01 đoạn giấy điện có chiều dài 30m với giá 142.000 đồng. Còn các tài sản chưa bán được T đem cất giấu tại khu đất trống cặp quán Cánh Buồm và hiện nay Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 3769/KL.DGTS, ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Sóc Trăng kết luận: 06 (sáu) ghế tựa lưng bằng gỗ, chiều cao 110 cm, kích thước mặt ghế (37 x 44) cm. Có giá 2.500.000 đồng/ cái x 06 cái = 15.000.000 đồng. 04 (bốn) ghế tựa lưng bằng gỗ được sơn màu trắng, chiều cao 110 cm, kích thước mặt ghế (37 x 44) cm. Có giá 880.000 đồng/ cái x 04 cái = 3.520.000 đồng. 12 (mười hai) chân bàn bằng kim loại, chiều cao 65 cm. Không định giá được. 06 (sáu) ghế tựa lưng có khung bằng sắt, chiều cao 87 cm, kích thước mặt ghế (44 x 57) cm. Không định giá được. 01 (một) mặt bàn bằng kính, hình tròn trong suốt, có đường kính 01m. Có giá 600.000 đồng/cái. 01 (một) chân bàn bằng kim loại màu trắng, chiều cao 01m. Không định giá được. 01 (một) đoạn giấy điện có chiều dài 30m. Có giá 4.000 đồng/ mét x 30 mét = 120.000 đồng. 01 (một) đèn LED, hình tròn, hiệu Rạng Đông. Có giá 13.000 đồng/cái. 02 (hai) ghế ngồi không có tựa lưng, được bọc da màu cam, chiều cao 35 cm, kích thước mặt ghế (50 x 76) cm. Có giá 500.000 đồng/ cái x 02 cái = 1.000.000 đồng. 01 (một) ghế ngồi tựa lưng, được bọc da màu nâu đen, chiều cao 83 cm, kích thước mặt ghế (52 x 50) cm. Có giá 1.000.000 đồng/ cái. 01 (một) xe xích lô bằng kim loại màu trắng, kích thước (40 x 80 x 150) cm. Không định giá được. Tổng tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có giá là: 20.653.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 112/CT-VKS.TPST ngày 19/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Thạch Quốc C về Tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn

Thành T về Tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại tòa, các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng với hành vi các bị cáo thực hiện.

Tại tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Thạch Quốc C và Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; xử phạt bị cáo C từ **03 đến 04 năm** tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Bà Đào Thị Ngọc G, ông Nguyễn Văn B, ông Trần Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây tua vít, có một đầu nhọn hình lục giác dài 26cm, tay cầm bằng nhựa dài 11cm.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu DAMSEL, số loại Wave Trung Quốc, số khung: VDPWCH0B4DP105953, số máy: 4D105953, biển số: 60-N4 3343.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thành T thống nhất về tội danh và áp dụng pháp luật như Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T ở mức dưới khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi bị cáo gây ra.

Các bị cáo nói lời sau cùng :

Bị cáo C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T;

Bị cáo T không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với sự vắng mặt người bị hại tại phiên tòa, đã có lời khai làm rõ các tình tiết vụ án, về trách nhiệm dân sự, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại.

[3]. Tại phiên tòa các bị cáo Thạch Quốc C và Nguyễn Thành T khai nhận: Bị cáo C và T vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020 đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau: Lần thứ nhất: Vào ngày 11 tháng 4 năm 2020, C rủ T, đến nhà tại số 252, đường Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng lén lút lấy tài sản của bà Đào Thị Ngọc G: 23 thanh sắt hình tròn có giá là 797.400 đồng và 26 cây sắt hình chữ U có giá 1.890.000 đồng và 07 cây gỗ vuông có giá là 1.005.900 đồng. Tổng cộng: 3.693.300 đồng. Lần thứ hai: Vào một ngày tháng 5 năm 2020, C đi đến nhà số 191, đường Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo lén lút lấy tài sản của ông Nguyễn Văn B, gồm 49 thùng bia, nước ngọt các loại chưa qua sử dụng và bốn tượng hình Phước, Lộc, Thọ (Gỗ hương), có tổng giá trị là 18.171.000 đồng. Lần thứ ba: Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020, C đi đến nhà số 74, đường Lê Duẩn, khóm 4, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, của ông Trần Văn T, bị cáo lén lút lấy 06 cái ghế tựa lưng bằng gỗ; 02 cái ghế tựa lưng bằng gỗ được sơn màu trắng; 02 cái ghế tựa lưng có khung bằng sắt; 01 chiếc xe xích lô bằng kim loại màu trắng; 01 cái ghế bọc da màu cam, không có tựa lưng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 18.420.000 đồng. Vào ngày 25 tháng 6 năm 2020, T được bị cáo C chỉ nhà của ông Trần Văn T, tại số 74, đường Lê Duẩn, khóm 4, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo T lén lút lấy 02 cái ghế tựa lưng có khung bằng sắt; 01 cái ghế bọc da màu cam không có tựa lưng; 01 cái ghế ngồi tựa lưng được bọc da màu nâu đen; 01 chân bàn bằng kim

loại, màu trắng; 01 mặt bàn bằng kính; 01 bóng đèn Led hình tròn hiệu Rạng Đông; 01 đoạn dây điện có chiều dài 30m; 12 chân bàn bằng kim loại. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.233.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, các chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công chặt chẽ vai trò cụ thể cho từng người nên không mang tính tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[3.1] Bị cáo Thạch Quốc C là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trực tiếp chiếm đoạt tài sản 03 lần, phải chịu trách nhiệm giá trị tài sản là 40.284.300 đồng; đối với 01 lần chỉ cho bị cáo T chiếm đoạt tài sản, giá trị là 2.233.000 đồng, thì bị cáo C vẫn phải chịu trách nhiệm đồng phạm, vì bị cáo không chỉ nơi có tài sản thì T không thực hiện được hành vi chiếm đoạt. Nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.517.300 đồng. Bị cáo C từng bị kết án về tội: “Trộm cắp Tài sản”, đã xác định là tái phạm, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; nên bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản thuộc tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Thạch Quốc C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.2] Bị cáo Nguyễn Thành T là người thực hành tích cực, sau khi được bị cáo T rủ rê đi chiếm đoạt tài sản thì đồng ý và là người trực tiếp lấy tài sản, phải chịu trách nhiệm chung, với giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.926.300 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Bị cáo C đã bị kết án về tội chiếm đoạt, sau khi chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích, không có nghề nghiệp, trong một thời gian, bị cáo lại tiếp tục thực hiện 04 lần chiếm đoạt tài sản, trong đó chỉ 03 lần bị cáo chiếm đoạt tài sản có bán để tiêu xài cá nhân, 01 lần với vai trò đồng phạm, không được hưởng lợi gì từ việc đồng phạm của bị cáo chiếm đoạt tài sản, từ đó chưa đủ số lần (bốn lần), hơn nữa tại phiên tòa bị cáo khai có từng làm thợ sơn nhà (làm bê) để có thu nhập nhưng không ổn định, những ngày không đi làm thì tiền sinh hoạt hằng ngày bị cáo xin gia đình, nên chưa đủ cơ sở xác định bị cáo

chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội, để kết luận bị cáo phạm tội “có tính chất chuyên nghiệp” theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều thực hiện từ 02 lần chiếm đoạt tài sản, mỗi lần chiếm đoạt có giá trị từ 02 triệu đồng trở lên, là phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; **bị cáo C là người dân tộc Khmer; bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự.** Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng thu giữ:

Đối với vật là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây tua vít, có một đầu nhọn hình lục giác dài 26cm, tay cầm bằng nhựa dài 11cm.

Đối với phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu DAMSEL,số loại Wave Trung Quốc, số khung: VDPWCH0B4DP105953, số máy: 4D105953, biển số: 60-N4 3343.

[8] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên, người bào chữa về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, là không có cơ sở chấp nhận, vì bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên, không được coi là phạm tội lần đầu; Do đó, bị cáo T không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo C ở mức nghiêm khắc, bị cáo T ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả và mà từng bị cáo gây ra, đủ răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm chung.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị cáo T thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử cho bị cáo T được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Thạch Quốc C và Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Xử phạt bị cáo Thạch Quốc C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2020.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2020.

3. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây tua vít, có một đầu nhọn hình lục giác dài 26cm, tay cầm bằng nhựa dài 11cm.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu DAMSEL, số loại Wave Trung Quốc, số khung: VDPWCH0B4DP105953, số máy: 4D105953, biển số: 60-N4 3343.

5. Về án phí: Bị cáo Thạch Quốc C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thành T được miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, riêng người bị hại vắng mặt được quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Cơ quan THA CA TPST;
- Chi Cục THA DS TPST;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Văn Như